TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THÀNH PHỐ HÀ NỘI	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 73/2019/HNGĐ-PT

Ngày 09/05/2019

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà **Bùi Thị Thu Hồng**;

Các thẩm phán: 1. Bà **Nguyễn Thị Hà**;

2. Bà **Nguyễn Thị Thanh Huyền**.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Đinh Thúy Hương** - Thư ký

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: ***Bà Ngô Phương Liên*** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 05 năm 2019 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 39/2019/TLPT - HN&GĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019.Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 02/2019/HN&GĐ-ST ngày 16/01/2019 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 66/2019/QĐPT- HN&GĐ ngày 22/03/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2019/QĐ-HPT ngày 17/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2019/QĐ-HPT ngày 25/4/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1963. (Có mặt)

Trú tại: Thôn Xuân Canh, xã Xuân Canh, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Chị Lê Kim L, sinh năm 1961. (Có mặt)

Trú tại: số 9 H, phường H, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Người kháng cáo chị Lê Kim L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án như sau

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày: Ông và bà Lê Kim L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H - quận H, Hà Nội ngày 08/08/1997. Sau khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc được đến năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm vì tính cách và lối sống không phù hợp. Bà L cho rằng ông có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên dẫn đến có những lời nói xúc phạm ông, hơn nữa Bà L đã đến cơ quan nơi ông N làm việc gây chuyện và làm ầm ĩ lên khiến ông mất mặt với bạn bè và các đồng nghiệp và cũng kể từ đó vợ chồng không còn tôn trọng nhau. Thực tế thì ông và người phụ nữ kia chỉ là quan hệ đồng nghiệp cùng cơ quan. Năm 2005 ông N đã nộp đơn đến Tòa án xin ly hôn với Bà L. Tại bản án số 33/2005/HNGĐ ngày 03/11/2005 Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm đã xét xử và bác đơn xin ly hôn của ông. Kể từ đó cho đến nay vợ chồng ông sống ly thân, ông N về quê bên Đ ở, Bà L ở lại số 09 phố H, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau và cũng không có bất kỳ liên hệ gì, khi có việc cần trao đổi thì đều nhắn thông qua các con, mọi công việc trong gia đình thì việc gia đình của ai người ấy lo. Cho đến nay ông N xác định vợ chồng không còn tình cảm, không còn tôn trọng nhau thì nên giải thoát cho cả hai. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với Bà L để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông bà có hai con chung là Nguyễn Diệu L; sinh ngày 10/05/1994 và Nguyễn Thanh T sinh ngày 04/06/1997. Hiện nay đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản). Ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Lê Kim L trình bày: Bà L công nhận lời khai của ông N về thời gian và điều kiện kết hôn là đúng. Theo Bà L mâu thuẫn giữa hai vợ chồng phát sinh do ông N có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Năm 2005 ông N nộp đơn đến Tòa án xin ly hôn với bà. Tại bản án số 33/2004/HNGĐ ngày 03/11/2005 Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm đã xét xử và bác đơn xin ly hôn của ông N. Kể từ đó ông N về quê bên Đ ở để chăm sóc bố mẹ, còn bà và hai con ở lại số 09 phố H và thỉnh thoảng cuối tuần bà và hai

con cũng về đó. Từ khi ông N bị Tòa án bác đơn thì vợ chồng ít nói chuyện với nhau, mỗi khi có việc cần trao đổi đều thông qua các con, giữa hai vợ chồng không trực tiếp trò chuyện hay trao đổi bất kỳ vấn đề gì.

Tuy vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài nhưng Bà L vẫn còn tình cảm với ông N nên việc bà ghen khi nghi ngờ ông N có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác là có cơ sở. Nay ông N xin ly hôn, bà không đồng ý ly hôn vì xác định vẫn còn tình cảm với ông N và mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng có thẻ đoàn tụ.

Về con chung: Bà L trình bày vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Diệu L; sinh ngày 10/05/1994 và Nguyễn Thanh T ; sinh ngày 04/06/1997 hiện nay đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản); Bà L trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L trình bày vợ chồng không có khoản nợ chung.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 02/2019/HN-GĐ ngày 16/01/2019 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội đã quyết định:

- Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn N đối với bà Lê Kim L. Ông Nguyễn Văn N được ly hôn với bà Lê Kim L.

Về con chung: ông N và Bà L có hai con chung là Nguyễn Diệu L; sinh ngày 10/05/1994 và Nguyễn Thanh T; sinh ngày 04/06/1997 hiện nay đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi ông N và Bà L ly hôn.

Về tài sản (gồm động sản và bất động sản): ông N và Bà L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về nợ chung: Ông N và Bà L đều trình bày không có khoản nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm ngày 17 tháng 01 năm 2019 bà Lê Kim L làm đơn kháng cáo đề nghị tòa án cấp phúc thẩm xử bác đơn xin ly hôn của ông N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo. Bà L đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông N vì bà vẫn còn tình cảm vợ chồng với ông N. Con của ông bà anh T bị đau yếu cần phải có sự chăm sóc về kinh tế của cả bố mẹ.

Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội kết luận tại phiên tòa: Về tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đơn kháng cáo của bà Lê Kim L nằm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí là hợp lệ. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

1- Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bà Lê Kim L trong thời hạn kháng cáo và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

2- Về yêu cầu kháng cáo của bà Lê Kim L:

Hội đồng xét xử xét về quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn N và bà Lê Kim L: Ông N và Bà L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H - quận H, Hà Nội ngày 08/08/1997 nên quan hệ hôn nhân giữa ông N và Bà L là hợp pháp.

Quá trình chung sống ông bà hạnh phúc được thời gian đầu đến năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống vì tính cách lối sống không phù hợp. Năm 2005 ông N đã làm đơn đến Tòa án xin ly hôn với Bà L. Tòa án nhân dân quận H đã xét xử và bác đơn ly hôn của ông N. Kể từ đó, cả hai bên đều xác nhận ông N về quê tại Đ sống và hai ông bà ly thân từ đó đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa.

Đến tháng 08/2018 ông N lại làm đơn xin ly hôn với Bà L với lý do ông bà từ lâu không còn tình cảm vợ chồng và không thể tiếp tục kéo dài thêm tình trạng ly thân hơn nữa. Sau khi tòa sơ thẩm xét xử, Bà L không đồng ý với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, kháng cáo bản án yêu cầu xin được đoàn tụ với lý do cháu T đang bị bệnh và bố chồng hiện đang ốm yếu cần sự chăm sóc của gia đình. Tuy nhiên, từ rất lâu tình trạng hôn nhân của ông bà không được cải thiện, Bà L không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng không có sự chia sẻ, quan tâm, yêu thương nhau, không coi nhau là vợ chồng, không thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình ấm no, tiến bộ và hạnh phúc, các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau. Nhưng ông N Bà L đã không còn sự tôn trọng, quan tâm chăm sóc giúp đỡ nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài thêm nữa mục đích của hôn nhân không đạt được, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử cho ông N được ly hôn là có căn cứ.

Do vậy kháng cáo của Bà L không có cơ sở để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về con chung và tài sản chung ông bà vẫn giữ nguyên ý kiến như tại cấp sơ thẩm, không kháng cáo nên Tòa án không xem xét.

Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của Bà L không được chấp nhận nên Bà L phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2015

Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Kim L. Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 02/2019/HN&GĐ-ST ngày 16/01/2019 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

1- Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn N được ly hôn với bà Lê Kim L

2- Về con chung: Ông N và Bà L có hai con chung là Nguyễn Diệu L; sinh ngày 10/05/1994 và Nguyễn Thanh T; sinh ngày 04/06/1997 hiện nay đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi ông N và Bà L ly hôn.

3- Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Ông N và Bà L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4- Về nợ chung: Ông N và Bà L đều trình bày không có khoản nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

5- Về án phí: Ông Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0002554 ngày 31/08/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm. Xác định ông N đã nộp đủ án phí.

Bà Lê Kim L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2016/0002814 ngày 21/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H, Hà Nội. Xác định Bà L đã nộp đủ án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 09/05/2019

Nơi gửi:
- TAND quận H, Hà Nội
- VKSND TP Hà Nội.
-UBND phường H
- Các đương sự
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thu Hồng